TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN HÀ
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 04 /2018/ HNGĐ - ST
Ngày: 05/ 9/ 2018
V/v: " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN HÀ, TỈNH QUẢNG NGÃI

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyệt.
2. Bà Đinh Thị Huệ

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hồng Buôi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hà tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2018/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đinh Ka L (tên gọi khác Đinh K L), sinh năm 1964.

Địa chỉ: Tổ dân phố G, thị trấn D, huyện S, tỉnh Q.

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố N, thị trấn D, huyện S, tỉnh Q.

Bị đơn: Bà Đinh Thị S (tên gọi khác Đinh Thị S), sinh năm 1962.

Địa chỉ:Tổ dân phố G, thị trấn D, huyện S, tỉnh Q.

Chỗ ở hiện nay: Xóm H, tổ dân phố G, thị trấn D, huyện S, tỉnh Q.

Người phiên dịch: Ông Đinh Văn Th - Phó chủ tịch UBMT Tổ quốc Việt nam Thị trấn D, huyện S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2018, bản tự khai ngày 24/5/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đinh Ka L trình bày:

Tôi và bà Đinh Thị S chung sống với nhau từ năm 1986, đến ngày 16/6/2015 tôi và bà S mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện S, tỉnh Q. Quá

trình chung sống, chúng tôi sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bà S tự ý bỏ nhà đi đâu tôi không biết, cũng thời gian đó tôi thấy nhiều người đến nhà tìm bà S để đòi tiền, thấy vậy tôi gọi điện thoại cho bà S tại sao vay số tiền lớn mà tôi không biết thì bà S không trả lời. Thời gian đầu bà S bỏ đi, tôi có đi tìm bà S về nhà hỏi rõ nguyên nhân, nhưng không tìm được bà S. Đến năm 2017 tôi phát hiện bà S sinh sống tại Xóm H, tổ dân phố G, thị trấn D, huyện S, tỉnh Q mà không về nhà, nên chúng tôi sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay.

Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại hạnh phúc được nữa. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Đinh Thị S.

Về tài sản riêng, tài sản chung và khoản nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: Tôi và bà S có với nhau 02 người con Đinh Thị H- Sinh ngày 26/6/1990 đã trên 18 tuổi và đã lập gia đình, còn con Đinh Thị K L - Sinh ngày 25/8/2000, hiện cháu đang ở với bà S tại Xóm H, tổ dân phố G, thị trấn D, huyện S, tỉnh Q. Nếu được ly hôn bà S tôi xin nhận nuôi không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai ngày 07/6/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đinh Thị S trình bày:

Tôi và ông L chung sống với nhau từ năm 1986, đến ngày 16/6/2015 tôi và ông L mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện S, tỉnh Q. Trong quá trình chung sống chúng tôi sống rất hạnh phúc đến năm 2016 chúng tôi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông L có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, hơn nữa ông L còn dẫn người phụ nữ về nhà và đuổi, đánh đập vợ con ra khỏi nhà. Nên tôi và các con không dám về nhà kể từ đó cho đến nay. Nay ông Đinh Ka L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn tôi không đồng ý.

Về tài sản riêng, tài sản chung và khoản nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: Tôi và ông L có với nhau 02 người con Đinh Thị H- Sinh ngày 26/6/1990 đã trên 18 tuổi và đã lập gia đình, còn con Đinh Thị K L - Sinh ngày 25/8/2000, hiện cháu đang ở với tôi tại Xóm H, tổ dân phố G, thị trấn D, huyện S, tỉnh Q. Nếu ly hôn tôi xin nhận nuôi không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của cháu Đinh Thị K L tại biên bản tự khai ngày 08/6/2018 trình bày: Cháu là con của ông Đinh Ka L và bà Đinh Thị S. Hiện cháu ở với mẹ cháu. Nếu cha mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án; quá trình thu thập chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án .

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; Điều 71 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi xem xét tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho ông Đinh Ka L được ly hôn bà Đinh Thị S.

- Về con chung: Có 02 con là Đinh Thị H, sinh ngày 26/6/1990 và Đinh Thị K L, sinh ngày 25/8/2000 đến thời điểm xét xử cháu K L trên 18 tuổi đã trưởng thành và đã lập gia đình. Đề nghị Hội đồng không xem xét người trực tiếp nuôi và phần cấp dưỡng.

Về án phí ly hôn: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội ông Đinh Ka L phải chịu tiền án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc" ly hôn, tranh chấp về nuôi con" bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện S, tỉnh Q. Do đó, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Q theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:*

Ông Đinh Ka L và bà Đinh Thị S chung sống với nhau từ năm 1986. Đến ngày 16/6/2015 ông bà mới đến Ủy ban nhân dân thị trấn Di L, huyện S làm thủ tục đăng ký kết hôn. Hôn nhân trên cở sở tự nguyện. Ngày 16/5/2018 ông Đinh Ka L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Đinh Thị S, nên Toà án nhân dân huyện S đã thụ lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Ông Đinh Ka L và bà Đinh Thị S đều khai nguyên nhân vợ chồng ông, bà phát sinh mâu thuẫn là do bà Sự làm ăm thua lỗ dẫn đến thiếu nợ, ngược lại bà S nghi ngờ ông L có quan hệ với người phụ nữ khác, nên cuối năm 2015 vợ chồng ông, bà không có tiếng nói chung, dẫn đến ông L đánh đập bà S. Từ đó tình cảm vợ chồng bị rạng nứt không thể sống chung được nữa, nên bà S cùng các con phải bỏ nhà đi ở nơi khác, cũng từ đó vợ chồng ông L, bà S không còn quan hệ qua lại, không quan tâm lẫn nhau và sống ly thân cho đến nay. Qua xem xét tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án do ông L cung cấp cũng như trong quá trình giải quyết Toà án đã tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn chính là do bà S thiếu nợ bỏ nhà đi. Tại phiên tòa ông L

vẫn cương quyết ly hôn, bà S không đồng ý. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ông L và bà S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, để giải phóng đôi bên có cuộc sống riêng, nên yêu cầu của ông L ly hôn bà S được chấp nhận. căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho ông Đinh Ka L được ly hôn bà Đinh Thị S.

[4] *Về con chung:*

Ông Đinh Ka L và bà Đinh Thị S có 02 con chung là Đinh Thị H, sinh ngày 26/6/1990 đã trở thành và Đinh Thị K L, sinh ngày 25/8/2000, riêng đối với cháu Đinh Thị K L khi Tòa án thụ lý vụ án cháu chưa đủ 18 tuổi, nay cháu K L đã trên 18 tuổi và theo lời trình bày của ông L, bà S tại phiên tòa cháu Đinh Thị K L cũng đã lập gia đình. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét về người trực tiếp nuôi và tiền cấp dưỡng nuôi cháu K L.

[5] *Về tài sản riêng, tài sản chung và khoản nợ:*

Ông L và bà S không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Việc bà S yêu cầu tại phiên tòa khối tài sản chung của vợ chồng giao cho các con. Hội đồng xét thấy yêu cầu của bà S ngoài phạm vi giải quyết của vụ án, ông, bà tự thỏa thuận giải quyết. Nếu sau này ông L bà S thấy quyền lợi của mình bị xâm phạm thì ông, bà có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Ông Đinh Ka L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Cho ông Đinh Ka L (Đinh K L) được ly hôn bà Đinh Thị S (Đinh Thi S).

Về án phí: Ông Đinh Ka L phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí do ông L nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0000060 ngày 17/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

<u>Nơi nhận</u>:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Sơn Hà;
- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Ngọc Thông

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Nguyệt **Nguyễn Sinh** **Võ Ngọc Thông**